

Số: ~~1674~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~07~~ tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số theo Quy định tại Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2668/STC-NS ngày 29/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 713,079 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên khác ngân sách tỉnh năm 2019 cho UBND các huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ, Tư Nghĩa, Tây Trà, Sơn Tây và Minh Long để thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh trong năm học 2017-2018 và năm học 2018 – 2019 (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm giải quyết khoản kinh phí tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số theo quy định.

3. UBND các huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ, Tư Nghĩa, Tây Trà, Sơn Tây và Minh Long chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ, Tư Nghĩa, Tây Trà, Sơn Tây, Minh Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KT), KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KT.bngoc310



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC
(Kèm theo Quyết định số ~~1674~~ /QĐ-UBND ngày ~~07~~ tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện	Trong đó							
			Sinh viên đại học				Học viên cao học và nghiên cứu sinh			
			Số đối tượng	Học phí phải nộp	Mức hỗ trợ (30%)	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Mức hỗ trợ (*)	Số tháng	Kinh phí thực hiện
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=5+9</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3 * 30%</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	
I	NĂM HỌC 2017 - 2018	335,199	105	1.117,328		335,199				
1	Huyện Sơn Hà	53,086	30	176,952	30%	53,086				
2	Huyện Trà Bồng	10,721	3	35,736	30%	10,721				
3	Huyện Ba Tơ	46,692	11	155,639	30%	46,692				
4	Huyện Sơn Tây	27,000	10	90,000	30%	27,000				
5	Huyện Tư Nghĩa	9,998	5	33,328	30%	9,998				
6	Huyện Tây Trà	9,502	4	31,674	30%	9,502				
7	Huyện Minh Long	178,200	42	594,000	30%	178,200				
II	NĂM HỌC 2018 - 2019	377,880	120	1.259,601		377,880				
1	Huyện Sơn Hà	41,964	19	139,881	30%	41,964				
2	Huyện Trà Bồng	18,643	6	62,144	30%	18,643				
3	Huyện Ba Tơ	79,025	27	263,417	30%	79,025				
4	Huyện Sơn Tây	29,700	11	99,000	30%	29,700				
5	Huyện Tư Nghĩa	4,884	5	16,281	30%	4,884				
6	Huyện Tây Trà	9,039	5	30,129	30%	9,039				
7	Huyện Minh Long	194,625	47	648,750	30%	194,625				
TỔNG CỘNG (I + II)		713,079	225	2.376,929	-	713,079				

Ghi chú: (*) Mức lương cơ sở tại thời điểm tính.